TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng

2. Ông Đỗ Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2022/TLDS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thu Ng, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa H, xã Hòa T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Bạch Hoàng L, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa H, xã Hòa T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thu Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh L thông qua mai mối rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Hòa T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2006. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh

phúc đến khoảng cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L ghen tuông bậy nói chị Ng có người khác, vì ghen tuông vô cớ làm cho vợ chồng thường xuyên cải nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị Ng thì cảm thấy bị xúc phạm và mặt cảm với mọi người xung quanh, nên chị Ng đã bỏ về nhà mẹ ruột ở và đi lên trên thành phố Hồ Chí Minh để làm thuê, hiện đang làm tại Đăklăk. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Vì vậy cảm thấy không thể hàn gắn được tình cảm với anh L nên chị Phạm Thu Ng yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Hoàng L.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Bạch Tấn Đ, sinh ngày 17/9/2005, Bạch Ngọc T sinh ngày 22/4/2008 và Bạch Tấn Ph, sinh ngày 22/6/2014. Hiện cháu Đạt đi làm trên thành phố Sa Đéc, còn cháu Tuyền và cháu Phúc thì ở chung với anh L. Khi ly hôn chị Ng đồng ý giao 03 con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có tạo lập tài sản chung là căn nhà và chiếc xe gắn máy hiện anh L đang quản lý, sử dụng. Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản này.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bạch Hoàng L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006 anh L và chị Ng sau khi được mai mối, gia đình hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Hòa T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2006.

Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì đến khoảng cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L quá ghen tuông. Do ban ngày anh L đi làm chiều mới về có lúc gặp chị Ng nói chuyện với người lạ nên ghen tuông làm cho vợ chồng thường xuyên cải nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì hay ghen tuông, có khi nói lời thô tục, xúc phạm chị Ng làm chị bỏ về nhà mẹ ruột ở sau đó đi làm thuê trên thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang ở Đăklăk từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay anh Bạch Hoàng L vẫn còn tình cảm với chị Ng nên chưa muốn ly hôn với chị Ng.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Bạch Tấn Đ, sinh ngày 17/9/2005, Bạch Ngọc T, sinh ngày 22/4/2008 và Bạch Tấn Ph, sinh ngày

22/6/2014. Hiện cháu Đạt đi làm trên thành phố Sa Đéc, còn cháu Tuyền và cháu Phúc thì ở chung với anh L. Nếu ly hôn anh L yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có một căn nhà và một chiếc xe hiện anh L đang quản lý, sử dụng. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản này.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

+ Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thu Ng, cho chị Ng được ly hôn với anh Bạch Hoàng L.

+ Về con chung: Do chị Ng và anh L thống nhất về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị giao Bạch Tấn Đ, sinh ngày 17/9/2005, Bạch Ngọc T, sinh ngày 22/4/2008 và Bạch Tấn Ph, sinh ngày 22/6/2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng và chị Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

+ Về tài sản chung: Chị Ng và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị Ng và anh L trình bày không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện chị Phạm Thu Ng yêu cầu ly hôn với anh Bạch Hoàng L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và anh L đang cư trú tại ấp Hòa H, xã Hòa T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thu Ng và anh Bạch Hoàng L, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Hôn nhân giữa chị Ng và anh L phát sinh trên cơ sở mai mối, được gia đình hai bên chấp thuận nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Ng cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L ghen tuông vô cớ làm cho vợ chồng thường xuyên cải nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị Ng cảm thấy bị xúc phạm và mặc cảm với người xung quanh nên chị Ng yêu cầu ly hôn với anh L.

Còn anh L thì cho rằng hiện vẫn còn tình cảm với chị Ng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ng.

Tuy nhiên theo biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022 và biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/02/2023 anh L xác định nguyên nhân chính dẫn đến việc anh và chị Ng thường xuyên cãi nhau, buộc chị Ng phải bỏ nhà đi nơi khác là do anh L ghen tuông vô cớ. Tính đến thời điểm hiện tại thì giữa anh L và chị Ng không còn sống chung đã hơn 01 năm.

Đồng thời trong biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2022 anh L *"Yêu cầu cho anh thời gian 02 tháng để động viên chị Ng quay về ở chung nếu không được thì Tòa án xem xét"* nhưng tại phiên tòa anh L xác định chưa hàn gắn được tình cảm với chị Ng vì chị Ng khóa máy điện thoại, chặn cuộc gọi của anh L và hiện chị Ng vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Bạch Hoàng L.

Điều này cho thấy, mặc dù anh L có ý định hàn gắn tình cảm nhưng chị Ng lại kiên quyết muốn ly hôn thì cũng không có kết quả. Hơn nữa trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh L cũng không có động thái nào để có thể làm cho chị Ng thay đổi suy nghĩ quay về chung sống với anh L. Đặc biệt nguyên nhân chính dẫn đến cuộc sống hôn nhân giữa anh L và chị Ng không hạnh phúc chính xuất phát từ phía anh L có tính ghen tuông vô cớ làm cho chị Ng bị xúc phạm và mất lòng tin khi ở chung với anh L.

Điều 56 quy định trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho*

hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét tình trạng hôn nhân hiện tại giữa chị Ng và anh L mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây là điều kiện để cho ly hôn.

Nên việc chị Phạm Thu Ng yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh Bạch Hoàng L là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Ng và anh L xác định trong thời gian chung sống có 03 con chung là Bạch Tấn Đ, sinh ngày 17/9/2005, Bạch Ngọc T sinh ngày 22/4/2008 và Bạch Tấn Ph, sinh ngày 22/6/2014. Chị Ng và anh L thống nhất sau khi ly hôn anh L được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và chị Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Ng và anh L xác định không yêu cầu chia đối với tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị Ng và anh L xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thu Ng chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thu Ng được ly hôn với anh Bạch Hoàng L.

- Về con chung: Giao con chung là Bạch Tấn Đ, sinh ngày 17/9/2005, Bạch Ngọc T, sinh ngày 22/4/2008 và Bạch Tấn Ph, sinh ngày 22/6/2014 cho anh Bạch Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và chị Phạm Thu Ng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

Chị Ng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Ng và anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Ng và anh L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thu Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015251 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Về quyền kháng cáo: Chị Ng, anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Hòa T (số 32/2006);
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Văn Bình